



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020**  
Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>687,050,804,894</b>	<b>773,651,060,805</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>11,224,810,482</b>	<b>22,002,756,461</b>
1. Tiền	111		6,492,810,482	22,002,756,461
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,732,000,000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>10,300,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,300,000,000	10,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>645,473,706,394</b>	<b>727,703,224,974</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	168,769,682,234	465,613,685,620
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		482,556,633,184	262,818,404,259
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	7,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1,668,494,430	4,635,042,532
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7,521,103,454)	(12,363,907,437)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>16,729,075,775</b>	<b>9,812,964,256</b>
1. Hàng tồn kho	141		16,729,075,775	9,812,964,256
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,323,212,243</b>	<b>4,132,115,114</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	123,543,221	409,128,431
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,759,888,384	3,722,246,983
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	439,780,638	739,700
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>560,834,335,387</b>	<b>774,247,327,401</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>221,642,677,469</b>	<b>233,670,530,875</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	141,242,677,469	151,268,880,875
- Nguyên giá	222		182,710,053,986	181,230,007,167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41,467,376,517)	(29,961,126,292)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	80,400,000,000	82,401,650,000
- Nguyên giá	228		80,400,000,000	82,401,650,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1,332,157,637</b>	<b>1,203,262,182</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,332,157,637	1,203,262,182
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>58,660,000,000</b>	<b>244,114,121,482</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	107,806,228,732
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		58,660,000,000	233,503,969,597
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(97,196,076,847)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>279,199,500,281</b>	<b>295,259,412,862</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	279,199,500,281	287,805,875,611
2. Lợi thế thương mại	269		-	7,453,537,251
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1,247,885,140,281</b>	<b>1,547,898,388,206</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>604,453,905,624</b>	<b>830,520,339,708</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>490,955,774,365</b>	<b>690,242,457,369</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	173,749,348,599	123,745,717,691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		988,344,900	282,732,269,242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	35,139,259	4,544,550,415
4. Phải trả người lao động	314		93,138,574	126,637,305
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	73,540,578,924	34,794,058,602
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	234,772,999,972	236,522,999,977
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7,776,224,137	7,776,224,137
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>113,498,131,259</b>	<b>140,277,882,339</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	106,277,166,624	132,060,166,591
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	.b	7,220,964,635	8,217,715,748
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>643,431,234,657</b>	<b>717,378,048,498</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>643,431,234,657</b>	<b>717,378,048,498</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693,299,280,000	693,299,280,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693,299,280,000	693,299,280,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3,249,100,000)	(3,249,100,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15,692,449,297	15,692,449,297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(67,809,938,066)	4,582,859,832
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(17,786,979,276)	177,694,379,607
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(50,022,958,790)	(173,111,519,775)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5,498,543,426	7,052,559,369
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1,247,885,140,281</b>	<b>1,547,898,388,206</b>

Trần Xuân Đạt  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020		Quý IV/2019		Năm 2019	
			Quý IV/2020	Năm 2020	Quý IV/2019	Năm 2019		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	371,505,303,897	1,203,833,944,092	192,923,924,312	1,431,065,001,206	VND	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	VND	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		371,505,303,897	1,203,833,944,092	192,923,924,312	1,431,065,001,206	VND	
4. Giá vốn hàng bán	11	22	376,554,961,455	1,223,344,955,184	198,893,258,315	1,413,785,252,692	VND	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(5,049,657,558)	(19,511,011,092)	(5,969,334,003)	17,279,748,514	VND	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	593,354,812	2,557,687,977	652,315,184	9,123,259,402	VND	
7. Chi phí tài chính	22	24	13,724,641,468	29,470,082,928	50,331,330,277	166,269,526,966	VND	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10,184,783,566	41,850,736,130	43,962,211,607	45,201,379,076	VND	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		36,606,688,809	740,101,971	(65,197,935)	432,604,186	VND	
9. Chi phí bán hàng	25		26,735,598	106,942,392	(965,320,855)	14,238,969,662	VND	
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	1,654,065,042	12,475,996,219	3,298,201,668	12,393,011,084	VND	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		16,744,943,955	(58,266,242,683)	(58,046,427,844)	(166,065,895,610)	VND	
12. Thu nhập khác	31	26	2,498,350,000	5,979,408,089	(466,712,023)	4,319,911,462	VND	
13. Chi phí khác	32		36,000,001	657,000,839	2,502,047,251	6,985,922,001	VND	

308  
3 TY  
HÃN  
V KH  
BÌNH  
TP. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH  
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2020	Năm 2020	Quý IV/2019	Năm 2019
			VND	VND	VND	VND
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		178,581,379,585	5,322,407,250	(2,968,759,274)	(2,666,010,539)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,462,349,999 (2,965,062,023) (17,399,394,855)			(168,731,906,149)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27		-	(147,105,094)	1,475,987,697
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	c	1,360,913,852 (43,668,117,066)	5,114,967,578	1,560,343,749	4,065,507,586
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(18,760,308,707)	(58,058,803,011)	(62,428,425,773)	(174,273,401,432)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(18,664,804,072)	(57,599,130,254)	(62,703,534,831)	(173,111,519,775)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(95,504,635)	(459,672,757)	275,109,058	(1,161,881,657)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27				(2,514)



Trần Xuân Đạt  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(52,943,835,433)</b>	<b>(168,731,906,149)</b>
<b>6. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11,763,949,885	14,619,607,439
- Các khoản dự phòng	03		(122,286,172,980)	81,242,389,096
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(411,307,760)	(125,818,392)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		100,010,383,015	15,752,891,987
- Chi phí lãi vay	06		41,850,736,130	45,201,379,076
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	4,265,066,253
<b>13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(22,016,247,143)</b>	<b>(7,776,390,690)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		85,150,126,766	(16,842,698,493)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,916,111,519)	369,446,593
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(30,585,805,934)	111,139,721,090
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16,345,497,791	10,087,930,105
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(736,563,645)	(14,753,468,372)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,365,027,722)	(4,458,924,481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(137,805,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>37,875,868,594</b>	<b>77,627,810,752</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,410,333,637)	(21,636,831,728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1,272,727,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(7,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(54,160,000,000)	(9,800,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28,510,447,991	177,800,005,248
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(60,156,360)	973,147,277
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(21,120,042,006)</b>	<b>141,609,048,070</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	6,000,000,000
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	88,042,927,784
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(27,532,999,972)	(315,613,662,868)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27,532,999,972)</b>	<b>(221,570,735,084)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(10,777,173,384)</b>	<b>(2,333,876,262)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>22,002,756,461</b>	<b>24,337,271,891</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(772,595)	(639,168)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>11,224,810,482</b>	<b>22,002,756,461</b>

  
Trần Xuân Đạt  
Người lập

  
Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020 MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Hoạt động kinh doanh phân bón tiếp tục ảm đạm do nguồn cung đã vượt quá nhu cầu thị trường. Hoạt động cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa qua thị trường Trung Quốc giảm do những rào cản về tiêu chuẩn đối với hàng hóa nhập khẩu do phía Trung Quốc đề ra đã có phần khắt khe hơn. Hoạt động dịch vụ cảng cạn ICD từng là điểm sáng về kỳ vọng hoạt động kinh doanh trong năm 2018 thì nay liên tục gặp nhiều khó khăn. Hoạt động của Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD bị đình trệ, doanh thu không bù đắp đủ chi phí khiến lỗ lũy kế đã vượt vốn điều lệ. Công ty phải thực hiện tài trợ một phần vốn để phục vụ việc đóng cửa hoạt động của Công ty này do phía đối tác là Công ty Transworld GLS không thể tiếp tục tham gia điều hành. Bên cạnh đó, những diễn biến khó lường về tình hình thị trường chứng khoán đối với mã chứng khoán DDV đã khiến Công ty phải tiếp tục trích lập dự phòng gần 100 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh năm 2020.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

### Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98.63%	98.63%	Dịch vụ cảng và hoạt động hỗ trợ xuất nhập khẩu

## 2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 3 . CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó..

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1,688,314,536	4,502,335,764
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4,804,495,946	17,500,420,697
Các khoản tương đương tiền	4,732,000,000	-
	<u>11,224,810,482</u>	<u>22,002,756,461</u>





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10,300,000,000	10,300,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
	<b>10,300,000,000</b>	<b>10,300,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	105,881,626,363	107,373,624,546
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	-	-	105,881,626,363	107,373,624,546
Đầu tư vào đơn vị khác	58,660,000,000	-	233,503,969,597	136,307,892,750
Công ty CP DAP - Vinachem	-	-	233,503,969,597	136,307,892,750
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4,560,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	34,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	20,100,000,000	-	-	-
	<b>58,660,000,000</b>	-	<b>339,385,595,960</b>	<b>243,681,517,296</b>
				<b>(97,196,076,847)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	15,424,629,897	77,829,055,817
Công ty CP Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	-	47,575,714,588
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	33,583,282,094	134,055,015,854
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	4,525,020,716	189,990,588,216
Công ty Cổ phần thương mại Abavia Việt Nam	82,136,400,000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ và XNK Trần Trang	20,936,250,000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	12,164,099,527	16,163,311,145
	<b>168,769,682,234</b>	<b>465,613,685,620</b>

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,144,277,808	-	291,863,014	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	29,815,600	-
Ký cược, ký quỹ	375,000,000	-	3,911,103,000	-
Phải thu khác	149,216,622	-	402,260,918	-
	<b>1,668,494,430</b>	<b>-</b>	<b>4,635,042,532</b>	<b>-</b>

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP DAP2- Vinachem	-	-	11,580,396,278	5,968,630,760
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4,465,825,912	-	4,465,825,912	1,339,747,774
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2,863,598,538	-	2,863,598,538	-
Đối tượng khác	191,679,004	-	1,007,087,917	244,622,674
	<b>7,521,103,454</b>	<b>-</b>	<b>19,916,908,645</b>	<b>7,553,001,208</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	1,890,000	-
Công cụ, dụng cụ	652,087,280	-	-	-
Hàng hoá	16,076,988,495	-	9,811,074,256	-
	<b>16,729,075,775</b>	<b>-</b>	<b>9,812,964,256</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2020	130,151,580,278	7,256,351,136	41,616,997,238	2,205,078,515	181,230,007,167
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2,281,438,182	-	-	-	2,281,438,182
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(72,912,000)	(681,979,363)	(46,500,000)	-	(801,391,363)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>132,360,106,460</b>	<b>6,574,371,773</b>	<b>41,570,497,238</b>	<b>2,205,078,515</b>	<b>182,710,053,986</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2020	18,070,196,552	538,965,210	10,354,876,279	997,088,251	29,961,126,292
Trích khấu hao	6,950,388,386	61,134,655	4,523,339,247	229,087,597	11,763,949,885
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(34,182,400)	(177,017,260)	(46,500,000)	-	(257,699,660)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>24,986,402,538</b>	<b>423,082,605</b>	<b>14,831,715,526</b>	<b>1,226,175,848</b>	<b>41,467,376,517</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2020	112,081,383,726	6,717,385,926	31,262,120,959	1,207,990,264	151,268,880,875
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>107,373,703,922</b>	<b>6,151,289,168</b>	<b>26,738,781,712</b>	<b>978,902,667</b>	<b>141,242,677,469</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Giá trị quyền sử dụng đất</b>
	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2020	82,401,650,000
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	(2,001,650,000)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>80,400,000,000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2020	82,401,650,000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>80,400,000,000</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	60,791,663	221,498,501
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	62,751,558	187,629,930
	<b>123,543,221</b>	<b>409,128,431</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	277,920,511,854	285,348,231,545
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	-	1,033,325,265
Chi phí hạ tầng	441,360,538	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	125,835,323
Chi phí trả trước dài hạn khác	837,627,889	1,298,483,478
	<b>279,199,500,281</b>	<b>287,805,875,611</b>

**14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	-	7,453,537,251
	<b>-</b>	<b>7,453,537,251</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	-	-	92,668,333,224	92,668,333,224
Fagro International Trading Fze	-	-	9,635,322,438	9,635,322,438
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	73,861,680,000	73,861,680,000	-	-
Công ty Cổ phần Ecoparadise Việt Nam	25,522,200,000	25,522,200,000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Trần Anh	36,400,000,000	36,400,000,000	-	-
Các khoản phải trả khác	37,965,468,599	37,965,468,599	21,442,062,029	21,442,062,029
	<b>173,749,348,599</b>	<b>173,749,348,599</b>	<b>123,745,717,691</b>	<b>123,745,717,691</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020**

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	58,720,756	352,344,282	750,105,976	339,040,938	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	3,265,027,722	-	3,365,027,722	100,000,000	-	-	100,000,000	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	739,700	739,700	161,357	35,139,259	161,357	739,700	-	-	739,700	35,139,259	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	4,972,660	4,972,660	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1,220,640,580	116,538,605	1,337,179,185	-	-	1,337,179,185	-	-	-	-
	<b>739,700</b>	<b>4,544,550,415</b>	<b>508,994,806</b>	<b>5,457,446,900</b>	<b>439,780,638</b>	<b>35,139,259</b>						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35,147,824	33,374,824
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	155,000,000	155,000,000
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	24,549,863,011	9,207,945,205
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Thủ đô	19,551,542,818	12,275,047,945
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	27,891,341,297	9,395,581,491
Phải trả lãi đặt cọc mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	2,498,630,137
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,357,683,974	1,228,479,000
	<u><b>73,540,578,924</b></u>	<u><b>34,794,058,602</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	198,800,000,000	198,800,000,000	-	25,630,000,000	173,170,000,000	173,170,000,000
- CN Thủ Đức <sup>(1)</sup>	78,800,000,000	78,800,000,000	-	25,630,000,000	53,170,000,000	53,170,000,000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	120,000,000,000	120,000,000,000	-	-	120,000,000,000	120,000,000,000
- CN Bắc Hải Phòng <sup>(2)</sup>	37,722,999,977	37,722,999,977	25,782,999,972	1,902,999,977	61,602,999,972	61,602,999,972
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	35,820,000,000	35,820,000,000	23,880,000,000	-	59,700,000,000	59,700,000,000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	1,902,999,977	1,902,999,977	1,902,999,972	1,902,999,977	1,902,999,972	1,902,999,972
	<b>236,522,999,977</b>	<b>236,522,999,977</b>	<b>25,782,999,972</b>	<b>27,532,999,977</b>	<b>234,772,999,972</b>	<b>234,772,999,972</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
<i>Vay dài hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng <sup>(3)</sup>	161,360,000,000	161,360,000,000	-	-	161,360,000,000	161,360,000,000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng <sup>(4)</sup>	8,423,166,568	8,423,166,568	-	1,902,999,972	6,520,166,596	6,520,166,596
	<b>169,783,166,568</b>	<b>169,783,166,568</b>	<b>-</b>	<b>1,902,999,972</b>	<b>167,880,166,596</b>	<b>167,880,166,596</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	37,722,999,977	37,722,999,977			61,602,999,972	61,602,999,972
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>132,060,166,591</b>	<b>132,060,166,591</b>			<b>106,277,166,624</b>	<b>106,277,166,624</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ tại 31/12/2018	Phương thức đảm bảo tiền vay
1 .	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức						
-	Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-201700011 ngày 06/01/2017	400,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực đến hết 31/12/2017	Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	53,170,000,000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2 .	Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng						
-	Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HĐTD ngày 18/04/2017	120,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký	Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ và được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng	120,000,000,000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
						<b>173,170,000,000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

<b>STT</b>	<b>Ngân hàng/Hợp đồng vay</b>	<b>Hạn mức</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Dư nợ tại ngày 31/12/2018</b>	<b>Phương thức đảm bảo tiền vay</b>
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng số 01/2016- HBTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2015	231,495,000,000	Thanh toán chi phí đầu tư của Dự án Trung tâm kho bãi tổng hợp Quảng Bình - Đình Vũ	120 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất cho vay của khoản nợ được quy định theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần	161,360,000,000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng - Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTD/THU/01 ngày 13/02/2019	2,009,000,000	Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes-Benz S450 và Phí bảo hiểm an tâm tính dụng	60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí bảo hiểm an tâm tính dụng	Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	1,270,166,674	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay
-	Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HDTD/THU/02 ngày 09/05/2019	7,499,999,886	Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570	60 tháng kể từ ngày giải ngân	Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng	5,249,999,922	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay
						<b>167,880,166,596</b>	
						61,602,999,972	
						<b>106,277,166,624</b>	

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2019				
	Số dư nợ gốc VND	Số dư nợ quá hạn VND	Thời gian quá hạn Ngày	Lãi chưa thanh toán VND	Lãi quá hạn VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>179,690,166,596</b>	<b>185,110,000,000</b>		<b>30,729,138,907</b>	<b>3,078,000,115</b>
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	53,170,000,000	53,170,000,000	439	12,275,047,945	678,975,340
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	120,000,000,000	120,000,000,000	526	9,207,945,205	2,249,589,041
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	6,520,166,596	11,940,000,000	Từ 7 ngày đến 525 ngày	9,246,145,757	149,435,734
		<b>185,110,000,000</b>		<b>30,729,138,907</b>	<b>3,078,000,115</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2020

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
<b>Năm 2019</b>						
Tại ngày 01/01/2019	693,299,280,000	(3,249,100,000)	9,761,921,400	186,277,279,890	2,025,955,801	888,115,337,091
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	6,000,000,000	6,000,000,000
Lãi trong năm trước	-	-	-	(173,111,519,775)	(1,161,881,657)	(174,273,401,432)
Phân phối lợi nhuận	-	-	5,930,527,897	(8,895,791,837)	(20,000,000)	(2,985,263,940)
Tăng/giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	312,891,554	2,273,480,534	2,586,372,088
Thay đổi do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	(2,064,995,309)	(2,064,995,309)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>693,299,280,000</b>	<b>(3,249,100,000)</b>	<b>15,692,449,297</b>	<b>4,582,859,832</b>	<b>7,052,559,369</b>	<b>717,378,048,498</b>
<b>Năm 2020</b>						
Tại ngày 01/01/2020	693,299,280,000	(3,249,100,000)	15,692,449,297	4,582,859,832	7,052,559,369	717,378,048,498
Lãi trong năm nay	-	-	-	(57,599,130,254)	(459,672,757)	(58,058,803,011)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	(14,793,667,644)	(1,094,343,186)	(15,888,010,830)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>693,299,280,000</b>	<b>(3,249,100,000)</b>	<b>15,692,449,297</b>	<b>(67,809,938,066)</b>	<b>5,498,543,426</b>	<b>643,431,234,657</b>
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>						
		31/12/2020	Tỷ lệ (%)		01/01/2020	Tỷ lệ (%)
		VND	(%)		VND	(%)
Ông Nguyễn Thanh Bình		50,000,000,000	7.21%		50,000,000,000	7.21%
Bà Nguyễn Thị Hương		92,005,790,000	13.27%		92,005,790,000	13.27%
Các cổ đông khác		551,293,490,000	79.52%		551,293,490,000	79.52%
		<b>693,299,280,000</b>	<b>100%</b>		<b>693,299,280,000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693,299,280,000	693,299,280,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	693,299,280,000	693,299,280,000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	693,299,280,000	693,299,280,000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69,329,928	69,329,928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69,329,928	69,329,928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69,329,928	69,329,928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69,329,928	69,329,928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69,329,928	69,329,928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15,692,449,297	15,692,449,297
	<b>15,692,449,297</b>	<b>15,692,449,297</b>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	6,545.25	36,857.69

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Thuận Đạt	3,466,214,350	3,466,214,350

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1,197,132,216,513	1,418,524,477,555
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,701,727,579	12,540,523,651
	<b>1,203,833,944,092</b>	<b>1,431,065,001,206</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	73,435,322,355
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,187,064,874,694	1,303,431,669,761
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35,280,080,490	36,918,260,576
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư để	1,000,000,000	-
	<b><u>1,223,344,955,184</u></b>	<b><u>1,413,785,252,692</u></b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	792,258,434	827,711,233
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	163,931,884	6,140,709,866
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1,190,189,899	2,029,019,911
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	411,307,760	125,818,392
	<b><u>2,557,687,977</u></b>	<b><u>9,123,259,402</u></b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	41,850,736,130	45,201,379,076
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	547,945,205	16,277,124,862
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	103,300,991,449	16,334,535,585
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1,040,750,224	2,682,179,311
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(117,443,368,997)	85,774,234,950
Chi phí tài chính khác	173,028,917	73,182
	<b><u>29,470,082,928</u></b>	<b><u>166,269,526,966</u></b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161,658,965	277,107,267
Chi phí nhân công	6,137,997,542	8,188,433,570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,216,937,015	1,221,413,616
Thuế, phí, lệ phí	8,972,660	54,052,235
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(4,842,803,983)	(4,531,845,854)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,249,686,476	2,561,226,128
Chi phí khác bằng tiền	8,543,547,544	4,622,624,122
	<b><u>12,475,996,219</u></b>	<b><u>12,393,011,084</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi do đánh giá lại tài sản khi góp vốn	2,498,350,000	-
Thu nhập từ nhận tài trợ	-	2,403,176,038
Tiền phạt thu được	3,344,329,162	77,141,064
Thu nhập từ hoàn thuế	120,751,087	-
Thu nhập từ xóa nợ	-	1,654,270,941
Thu nhập khác	15,977,840	185,323,419
	<b>5,979,408,089</b>	<b>4,319,911,462</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(58,058,803,011)	(174,273,401,432)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(58,058,803,011)	(174,273,401,432)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	69,329,928	69,329,928
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(837)</b>	<b>(2,514)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Trần Xuân Đạt**  
Người lập

**Bùi Thị Ngọc**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021





CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH  
Số:0101/2021/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc  
\*\*\*\*\*00\*\*\*\*\*

Hải Phòng, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**Kính gửi :** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam  
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD hợp nhất của Công ty lỗ 18,760 tỷ đồng, giảm lỗ 43,668 tỷ đồng so với quý IV/2019. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý IV/2020 của Công ty đạt 371,505 tỷ đồng, tăng 178,58 tỷ đồng tương ứng tăng 92,57 % so với quý IV/2019. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 58,96 triệu đồng so với quý IV/2019. Chi phí khác giảm 2,46 Tỷ đồng so với quý IV/2019.
- Tổng giá vốn hàng bán tăng 177,66 tỷ đồng, tương ứng tăng 89,33 % so với Quý IV/2019. Chi phí tài chính giảm 36,6 tỷ đồng tương ứng giảm 72,73 % so với quý IV/2019 do trong quý IV/2020 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ. Thu nhập khác tăng 2,96 tỷ đồng.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý IV/2020 giảm lỗ 43,668 tỷ đồng so với quý IV/2019.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính  
giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả  
kinh doanh hợp nhất của quý IV/2020 của Công ty.

*Trân trọng.*

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Nguyễn Thị Thanh Hương*

